

Số: *42* /BNV-CCHC

V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm
để xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2017

HÒA TỘC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 4361/QĐ-BNV ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Quyết định số 4361/QĐ-BNV), Bộ Nội vụ hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh) về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) cấp tỉnh hàng năm như sau:

1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các tỉnh tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục 1 (gửi kèm theo).

- Không tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC đánh giá qua điều tra xã hội học và TCTP 1.2.2 quy định tại Bảng 2 kèm theo Quyết định số 4361/QĐ-BNV.

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Tạm thời chưa áp dụng đánh giá đối với TC 8.3 thuộc Nhóm II “Đánh giá tác động của cải cách hành chính” đến khi có hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Do đó, Chỉ số CCHC 2016 của tỉnh sẽ được tính toán trên cơ sở tổng điểm tối đa là 97,5 (không tính đến điểm tối đa của TC 8.3 là 2,5 điểm).

2. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của tỉnh phải gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục 1, các tỉnh có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng, yêu cầu các tỉnh

giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm.

- Tài liệu kiểm chứng được gửi đến Bộ Nội vụ bằng hình thức văn bản giấy (kèm theo Báo cáo tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm) hoặc gửi bằng file điện tử (bản scan của văn bản giấy) vào địa chỉ email của Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ (vucchc@moha.gov.vn). Việc sắp xếp các tài liệu kiểm chứng phải bảo đảm tính khoa học, tạo thuận lợi cho việc tra cứu, thẩm định.

3. Về báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các tỉnh

a) Nội dung báo cáo:

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP được liệt kê tại Phụ lục 1, các tỉnh xây dựng báo cáo gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp theo quy định. Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC cần có các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh theo mẫu gửi kèm tại Phụ lục 2;

+ Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm để phục vụ cho công tác thẩm định (bao gồm cả văn bản, do lãnh đạo tỉnh ký, giải trình về việc tự đánh giá, chấm điểm đối với những TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng);

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

b) Thời gian gửi báo cáo:

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm của các tỉnh phải do lãnh đạo tỉnh phê duyệt và gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất là ngày 15 tháng 02 hàng năm để tổng hợp. Riêng năm 2017, thời gian báo cáo thực hiện theo Quyết định số 4373/QĐ-BNV ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Về kinh phí triển khai

Đề nghị các tỉnh quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC hàng năm thuộc phạm vi trách nhiệm của tỉnh.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tỉnh phản ánh về Bộ Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Ông Phùng Doãn Hưng, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ; điện thoại: 0982627828; email: phungdoanhung@moha.gov.vn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các bộ, cơ quan: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Chính phủ (để phối hợp TH);
- Lưu: VT, CCHC.



Nguyễn Trọng Thừa

Phụ lục 1

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
 (Kèm theo Công văn số 42 BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ)

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
I	Đánh giá kết quả CCHC của tỉnh		
1.	TCTP 1.1.1 - Ban hành Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kế hoạch CCHC của tỉnh ban hành trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch (gọi tắt là năm ban hành); - Nếu đến ngày 31 tháng 12 của năm ban hành, Bộ Nội vụ nhận được kế hoạch CCHC của tỉnh bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử (bản scan của văn bản bản giấy hoặc tệp tin được xác thực chữ ký số), thì điểm đánh giá là 0,5. Nếu đến thời điểm trên, Bộ Nội vụ chưa nhận được Kế hoạch CCHC của tỉnh, thì điểm đánh giá là 0.
2.	TCTP 1.1.2 - Chất lượng Kế hoạch CCHC	Kế hoạch CCHC năm	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kế hoạch: Phải xác định đầy đủ 6 nội dung CCHC theo quy định; kết quả đầu ra của từng nhiệm vụ trong Kế hoạch phải cụ thể, rõ trách nhiệm triển khai, chi tiết mốc thời gian hoàn thành trong năm. - Nếu chất lượng kế hoạch đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0,5; không đạt như yêu cầu thì điểm đánh giá là 0.
3.	TCTP 1.1.3 - Mức độ hoàn thành Kế hoạch CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
4.	TCTP 1.2.1 - Báo cáo CCHC định kỳ	Các Báo cáo CCHC định kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: + Số lượng báo cáo: Có đầy đủ 04 báo cáo theo quy định. + Nội dung báo cáo: Tất cả báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			+ Tất cả báo cáo phải được gửi đến Bộ Nội vụ đúng thời hạn theo quy định của từng loại báo cáo (văn bản giấy hoặc văn bản điện tử). - Nếu công tác báo cáo của tỉnh: Đáp ứng đủ tất cả các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 1; không đáp ứng một trong các yêu cầu trên thì điểm đánh giá là 0.
5.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm	Các thông báo kết luận kiểm tra.	Tính tỷ lệ % số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.
6.	TCTP 1.3.2- Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bắt cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
7.	TCTP 1.4.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	- Kế hoạch tuyên truyền CCHC; - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	- Kế hoạch có thể được ban hành riêng hoặc lồng ghép với kế hoạch CCHC năm. - Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
8.	TCTP 1.4.2 - Mức độ đa	- Các báo cáo CCHC	- Nếu tuyên truyền CCHC cả ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	dạng trong tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> định kỳ; - Cung cấp các đường link tới các tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> ngợi, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của tỉnh; (3) Tuyên truyền CCHC trên Đài phát thanh - truyền hình của tỉnh, thì điểm đánh giá là 0,5; - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi; tọa đàm; sân khấu hóa..., thì điểm đánh giá được cộng thêm là 0,5; - Nếu không thực hiện tuyên truyền về CCHC thì điểm đánh giá là 0.
9.	TC 1.5 - Sáng kiến trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền; - Trường hợp có sáng kiến nhưng chưa được công nhận của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị báo cáo Bộ Nội vụ để được xem xét, ghi nhận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng kiến (của tập thể/cá nhân) trong CCHC được hiểu là những giải pháp, cách làm mới, lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai CCHC của tỉnh. - Sáng kiến có thể được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc được Bộ Nội vụ xem xét, ghi nhận. - Nếu có sáng kiến thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0.
10.	TCTP 2.1.1 - Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục VBQPPL dự kiến ban hành trong năm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo kết quả xây dựng VBQPPL; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> Thống kê tổng số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm (tất cả các văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và số VBQPPL đã được ban hành. Nếu tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành so với tổng số VBQPPL dự kiến ban hành trong năm đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
11.	TCTP 2.1.2 - Thực hiện quy trình xây dựng	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm	Thống kê tổng số VBQPPL đã được ban hành trong năm. Nếu 100 % số văn bản đã được xây dựng theo đúng trình tự, thủ tục quy định thì

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	VBQPPL	tra của Bộ Tư pháp.	điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.
12.	TCTP 2.2.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp 	<p>Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
13.	TCTP 2.2.2 - Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh gửi Bộ Tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 10 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
14.	TCTP 2.2.3 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật. 	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua theo dõi thi hành pháp luật (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
15.	TCTP 2.3.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3, Điều 170, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm; - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng theo quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
16.	TCTP 2.3.2 - Xử lý kết quả	- Báo cáo kết quả rà	Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	soát, hệ thống hóa VBQPPL - Các văn bản công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực; cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới.	kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số VBQPPL phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
17.	TCTP 2.4.1 - Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL	Báo cáo công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định tại Khoản 3, Điều 135, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ. - Thời gian báo cáo: Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
18.	TCTP 2.4.2 - Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với văn bản trái pháp luật.	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản trái pháp luật đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số văn bản trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra (không tính tự kiểm tra). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
19.	TCTP 3.1.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	- Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC.	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
20.	TCTP 3.1.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; - Các văn bản xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý. 	Tính tỷ lệ % giữa số TTHC đã được xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số TTHC cần phải được xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau khi rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
21.	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	Các quyết định công bố thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Các quyết định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh phải được ban hành chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. - Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được ban hành trong năm. Nếu 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số TTHC được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0.
22.	TCTP 3.2.2 - Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: TTHC do tỉnh công bố và các văn bản quy định về TTHC phải được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC được cập nhật kịp thời so với tổng số TTHC do tỉnh công bố trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt 100% thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
23.	TCTP 3.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ.	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu niêm yết công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). - Thống kê tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị). Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả so với tổng số cơ quan, đơn vị. Nếu

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
24.	TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	- Yêu cầu công khai đối với TTHC là phải đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC), đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). - Nếu 100% số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
25.	TCTP 3.3.3 - Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Nếu 100% số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.
26.	TCTP 3.4.1 - Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ.	- Yêu cầu: Tổ chức thực hiện đầy đủ các hình thức, quy trình tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức về TTHC theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP và Nghị định số 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
27.	TCTP 3.4.2 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh	- Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ. - Các văn bản xử lý	Tính tỷ lệ % giữa số PAKN đã được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý so với tổng số PAKN đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		hoặc kiến nghị xử lý các PAKN.	- Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0.
28.	TC 4.1 - Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	<p>- Yêu cầu: Việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện phải tuân thủ đầy đủ, đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành.</p> <p>- Nếu 100 % số cơ quan, đơn vị nêu trên thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1,5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.</p>
29.	TCTP 4.2.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra	<p>- Thông báo kết luận kiểm tra</p> <p>- Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)</p>	<p>Tính tỷ lệ % số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.</p>
30.	TCTP 4.2.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>- Các thông báo kết luận kiểm tra</p> <p>- Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra.</p>	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- 100% thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5;</p> <p>- Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25;</p> <p>- Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.</p>
31.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	Các văn bản triển khai thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được Trung ương phân cấp.	<p>- Yêu cầu: Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp quản lý nhà nước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ và các quy định khác của Chính phủ, các bộ, ngành về phân cấp quản lý nhà nước.</p> <p>- Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; không</p>

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
32.	TCTP 4.3.2 - Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).	Yêu cầu: Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016. - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.
33.	TCTP 4.3.3 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
34.	TCTP 5.1.1 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	- Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của tỉnh về việc bố trí công chức theo vị trí việc làm.	- Các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh phải thực hiện đúng các quy định sau: + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí công chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
35.	TCTP 5.1.2 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt danh mục vị trí việc làm tại các đơn vị sự nghiệp công lập; - Các văn bản quy định bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; - Báo cáo của tỉnh về việc bố trí viên chức theo vị trí việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh phải thực hiện đúng các quy định sau: + Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. - Nếu tỷ lệ % số đơn vị thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh đạt: <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
36.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi tắt là cơ quan, đơn vị) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.
37.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển; - Các văn bản liên 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp thực hiện đúng quy định thì điểm

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...).	đánh giá là 0,5; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không có đơn vị tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất.
38.	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	- Các thông báo thi nâng ngạch, người đủ điều kiện dự thi; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).	- Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của tỉnh (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi nâng ngạch thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất.
39.	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	- Các thông báo thi/xét thăng hạng, người đủ điều kiện dự thi/xét; - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi/xét thăng hạng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).	- Việc tổ chức thi/xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi/xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất.
40.	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương	- Các quyết định bổ nhiệm; - Tài liệu kiểm chứng	- Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn và cơ cấu số lượng theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		khác (nếu có).	- Thống kê tổng số lãnh đạo cấp sở và tương đương được bổ nhiệm trong năm. Nếu 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
41.	TC 5.5 - Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức	Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của tỉnh	- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
42.	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế trong năm	- Kế hoạch năm về tinh giản biên chế; - Báo cáo năm về kết quả tinh giản biên chế.	- Yêu cầu: Các tỉnh xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế trong từng năm; gửi danh sách đối tượng tinh giản biên chế và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế đến Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính đúng thời gian quy định tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị và Nghị định số 108/2015/NĐ-CP của Chính phủ. - Nếu tỷ lệ % số người được phê duyệt tinh giản biên chế so với tổng số người dự kiến tinh giản biên chế theo kế hoạch đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
43.	TCTP 5.7.1 - Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ.	- Nội dung báo cáo phải đầy đủ theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ - Thời gian báo cáo: Trước ngày 31 tháng 01 hàng năm. - Nếu nội dung và thời gian báo cáo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
44.	TCTP 5.7.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức,	- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	viên chức	- Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh	- Từ 70% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
45.	TCTP 5.8.1 - Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ so với tổng số công chức cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
46.	TCTP 5.8.2 - Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ so với tổng số cán bộ cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
47.	TCTP 5.8.3 - Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số cán bộ, công chức cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng trong năm so với tổng số cán bộ, công chức cấp xã (không tính số lượt). Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 70% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. Ví dụ: Nếu tổng số cán bộ, công chức cấp xã của tỉnh là 1000 người và trong năm có 600 người đã được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thì tỷ lệ nêu trên được tính là: $600/1000 \times 100 = 60\%$, tương ứng với số điểm là 0,25. Nếu trong năm, một công chức được cử tham gia nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng thì chỉ tính 1 lần (không tính số lượt).
48.	TC 6.1 - Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính.	- Yêu cầu: Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đúng theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hành chính		- Nếu thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 1; không thực hiện đúng quy định trên thì điểm đánh giá là 0.
49.	TCTP 6.2.1 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh. Nếu 100% số đơn vị đã triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định thì điểm đánh giá là 1; dưới 100% số đơn vị thì điểm đánh giá là 0.
50.	TCTP 6.2.2 - Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Nếu số đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh tự bảo đảm chi thường xuyên của năm đánh giá tăng so với số lượng của năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; không tăng so với số lượng của năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.
51.	TCTP 6.2.3 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh đủ điều kiện vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản khác có liên quan. Nếu tỷ lệ % giữa số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp so với tổng số đơn vị đủ điều kiện đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
52.	TCTP 6.2.4 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính	Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp (đã triển khai cơ chế tự chủ) thực hiện đúng quy định về phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm thì điểm đánh giá là 0,5; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng thì điểm đánh giá là 0.
53.	TCTP 7.1.1 - Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng	- Kế hoạch ứng dụng	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ/sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	CNTT	CNTT của tỉnh; - Báo cáo năm về kết quả ứng dụng CNTT của tỉnh	nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 85% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 85% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0
54.	TCTP 7.1.2 - Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	- Nếu đã ban hành Kiến trúc và duy trì, cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Nếu đã ban hành Kiến trúc nhưng không duy trì, cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0,5; - Nếu chưa ban hành Kiến trúc thì điểm đánh giá là 0.
55.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đi được phát hành dưới dạng điện tử so với tổng số văn bản đi của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 60% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. (Riêng Chỉ số CCHC năm 2016 chỉ thống kê số văn bản đi của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh để tính tỷ lệ đánh giá)
56.	TCTP 7.1.4 - Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ.	- Nếu đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã thì điểm đánh giá là 1; - Nếu đã kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp huyện thì điểm đánh giá là 0,5; - Nếu chưa thực hiện kết nối liên thông thì điểm đánh giá là 0.
57.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin	Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 3. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 3 so với tổng

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
		và Truyền thông.	số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt: - Từ 40% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 30% - dưới 40% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 3 thì điểm đánh giá là 0.
58.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông.	Thống kê tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm của tất cả các dịch vụ công được triển khai cung cấp trực tuyến mức độ 4. Nếu tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC đã được xử lý trực tuyến mức độ 4 so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 10% - dưới 20% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 10% hoặc chưa triển khai cung cấp dịch vụ công mức độ 4 thì điểm đánh giá là 0.
59.	TCTP 7.2.3 - Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của các bộ, ngành liên quan.	- Yêu cầu: Thực hiện đúng các quy trình nhận hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5; chưa thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.
60.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	Các quyết định công bố Hệ thống quản lý chất lượng	Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
61.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ đơn vị	Các quyết định công	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp xã đã công bố Hệ thống

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
	hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	bố Hệ thống quản lý chất lượng	quản lý chất lượng so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã. Nếu tỷ lệ này đạt: - 70% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 50% - dưới 70% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
62.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ	- Yêu cầu: Thực hiện việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo đúng quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Chỉ đánh giá đối với những cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng. - Nếu tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng so với tổng số cơ quan, đơn vị đã công bố đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 0,5; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,25; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.
63.	TCTP 8.1.1 - Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (sở, ban, ngành) được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Nếu tỷ lệ % giữa số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 70% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,25; - Dưới 70% thì điểm đánh giá là 0.
64.	TCTP 8.1.2 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1;

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<ul style="list-style-type: none"> - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
65.	TCTP 8.1.3 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã (Không tính các xã thuộc huyện đảo). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.
66.	TCTP 8.1.4 - Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>Nếu số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 50 TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 30 - 49 TTHC thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20- 29 TTHC thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 20 TTHC thì điểm đánh giá là 0.
67.	TC 8.2 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>Nếu tỷ lệ % số đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại so với tổng số đơn vị hành chính cấp huyện đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Từ 50% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0.
68.	TCTP 8.3.1 - Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi; kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	<p>Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
69.	TCTP 8.3.2 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số đơn vị hành chính cấp huyện. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá 0.
70.	TCTP 8.3.3 - Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	Báo cáo của tỉnh và kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ	Tính tỷ lệ % giữa số đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã (không tính các xã thuộc huyện đảo). Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0,5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá 0,25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá 0.
II Đánh giá tác động của cải cách hành chính			
71.	TC 1.1 - Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	- Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong năm đánh giá và năm trước liền kề;	Thống kê tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm (đơn vị tính là: tỷ đồng). Nếu tổng số vốn thu hút đầu tư của tỉnh trong năm đánh giá: - Cao hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1,5; - Bằng so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 1; - Thấp hơn so với năm trước liền kề thì điểm đánh giá là 0.
72.	TC 1.2 - Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm	Báo cáo số liệu thống kê của tỉnh	Thống kê tổng số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên so với năm trước liền kề. Nếu tỷ lệ % giữa số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên so với tổng số doanh nghiệp thành lập mới của năm trước liền kề đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1,5; - Từ 10% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0.

Stt	Tên TC/TCTP	Tài liệu kiểm chứng	Cách chấm điểm
			<p>Ví dụ: Tổng số doanh nghiệp thành lập mới của tỉnh A trong năm 2015 là 10 doanh nghiệp, trong năm 2016 là 14 doanh nghiệp. Từ đó, xác định số doanh nghiệp thành lập mới tăng trong năm 2016 là: 04 doanh nghiệp (= 14 - 10). Tỷ lệ % giữa số doanh nghiệp thành lập mới tăng trong năm 2016 so với tổng số doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2015 sẽ là: 40% (= 04/10 x 100). Như vậy, đối chiếu với thang điểm đánh giá, tỉnh A đạt 1,5 điểm.</p>
73.	TC 8.3 - Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công	Báo cáo kết quả khảo sát người dân, tổ chức của tỉnh hàng năm	<p>Hàng năm, các tỉnh triển khai khảo sát và công bố chỉ số hài lòng (mức độ hài lòng) của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công trên phạm vi của tỉnh theo đúng hướng dẫn của Bộ Nội vụ.</p> <p>Nếu kết quả chỉ số hài lòng đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 2,5; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 1,5; - Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.

48



Phụ lục 2

MẪU BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Công văn số 42 /BNV-CCHC ngày 06/01/2017 của Bộ Nội vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
I	ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC CỦA TỈNH		
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC		
1.1	<i>Kế hoạch CCHC năm</i>		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong Quý IV của năm trước liền kề năm kế hoạch)		Ví dụ: Quyết định số 3674/QĐ-UBND, ngày 23/12/2016
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC		
1.1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC		
1.2	<i>Thực hiện công tác báo cáo CCHC</i>		
1.2.1	Báo cáo CCHC định kỳ		Ví dụ: Báo cáo số 252/BC-UBND, ngày 09/12/2016...
1.3	<i>Kiểm tra công tác CCHC</i>		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra trong năm		
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
1.4	<i>Công tác tuyên truyền CCHC</i>		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC		
1.4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC		
1.5	<i>Sáng kiến trong cải cách hành chính</i>		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI TỈNH		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh		
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL		
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của tỉnh		
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật		
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật		
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL		
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)		
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính		
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát		
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ		
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia		
3.3	Công khai thủ tục hành chính		
3.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
3.3.2	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công khai TTHC đầy đủ, đúng quy định trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.		
3.3.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh		
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh		
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh		
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh		
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH		
4.1	<i>Tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành về tổ chức bộ máy</i>		
4.2	<i>Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện</i>		
4.2.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện được kiểm tra		
4.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		
4.3	<i>Thực hiện phân cấp quản lý</i>		
4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành		
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã		
4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC		
5.1	<i>Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm</i>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt		
5.2	<i>Tuyển dụng công chức, viên chức</i>		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã		
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh		
5.3	<i>Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của tỉnh</i>		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức		
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức		
5.4	<i>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp sở và tương đương</i>		
5.5	<i>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức</i>		
5.6	<i>Mức độ hoàn thành kế hoạch tình giản biên chế trong năm</i>		
5.7	<i>Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</i>		
5.7.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		
5.7.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức		
5.8	<i>Cán bộ, công chức cấp xã</i>		
5.8.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã		
5.8.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã		
5.8.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG		
6.1	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách</i>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
	<i>nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính</i>		
6.2	<i>Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh</i>		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm		
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên		
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp		
6.2.4	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm		
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH		
7.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của tỉnh</i>		
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT		
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh		
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử		
7.1.4	Thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản (từ cấp tỉnh đến cấp xã)		
7.2	<i>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</i>		
7.2.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3		
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4		
7.2.3	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích		
7.3	<i>Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008</i>		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
7.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008		
7.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008		
7.3.3	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo quy định		
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG		
8.1	<i>Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>		
8.1.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (<i>sở, ban, ngành</i>) được thực hiện theo cơ chế một cửa		
8.1.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa		
8.1.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa (<i>Không tính các xã thuộc huyện đảo</i>)		
8.1.4	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông		
8.2	<i>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại</i>		
8.3	<i>Kết quả giải quyết TTHC</i>		
8.3.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		
8.3.2	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp huyện có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		
8.3.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có 100% số hồ sơ TTHC tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng (Số, ký hiệu và ngày ban hành của văn bản)
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH		
1	<i>Tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</i>		
1.1	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh		
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới trong năm		
8.3	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công		
	TỔNG ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ		

